

**BIA  
SAIGON®**

**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO KỲ 9 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2014**



Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn  
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

B01-DN/HN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30.09.2014 VNĐ	Tại ngày 31.12.2013 VNĐ
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>8.796.023.757.694</b>	<b>8.481.708.565.808</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>1.454.519.610.110</b>	<b>1.848.255.566.490</b>
111	1. Tiền		1.013.180.419.267	740.070.182.041
112	2. Các khoản tương đương tiền		441.339.190.843	1.108.185.384.449
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4a</b>	<b>4.736.079.285.571</b>	<b>4.054.766.940.162</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		4.736.079.285.571	4.054.766.940.162
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>853.293.602.694</b>	<b>766.053.690.696</b>
131	1. Phải thu khách hàng	5	500.689.053.393	546.564.888.179
132	2. Trả trước cho người bán	6	193.419.372.387	160.998.738.901
135	3. Các khoản phải thu khác	7	204.954.241.022	103.702.914.250
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(45.769.064.108)	(45.212.850.634)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>1.567.355.670.251</b>	<b>1.686.953.661.405</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	1.598.886.760.589	1.733.088.620.107
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(31.531.090.338)	(46.134.958.702)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>184.775.589.068</b>	<b>125.678.707.054</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		78.195.479.264	26.156.218.124
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		43.816.038.924	64.105.832.027
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		14.259.661.213	9.185.557.612
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	48.504.409.667	26.231.099.291

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn  
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

B01-DN/HN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30.09.2014 VNĐ	Tại ngày 31.12.2013 VNĐ
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>10.756.011.028.088</b>	<b>10.333.058.137.470</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>50.000.000.000</b>	<b>34.300.000</b>
218	1. Phải thu dài hạn khác		50.000.000.000	34.300.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>6.915.089.720.480</b>	<b>6.630.125.940.990</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	4.904.657.213.901	4.455.185.546.704
222	Nguyên giá		8.342.358.842.281	7.482.668.622.062
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.437.701.628.380)	(3.027.483.075.358)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		0	0
225	Nguyên giá		-	-
226	Giá trị khấu hao lũy kế		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	1.638.834.599.941	1.644.264.158.020
228	Nguyên giá		1.698.318.618.903	1.695.323.887.809
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(59.484.018.962)	(51.059.729.789)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		371.597.906.638	530.676.236.266
<b>240</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>31.307.538.016</b>	<b>32.921.408.512</b>
241	1. Nguyên giá		43.273.118.312	43.273.118.312
242	2. Giá trị khấu trừ lũy kế		(11.965.580.296)	(10.351.709.800)
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4b</b>	<b>2.509.880.323.915</b>	<b>2.426.601.327.719</b>
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh		1.878.650.018.660	1.771.503.687.908
258	2. Đầu tư dài hạn khác		1.135.598.052.043	1.143.904.162.390
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(504.367.746.788)	(488.806.522.579)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.249.733.445.677</b>	<b>1.243.375.160.249</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.153.504.084.006	1.160.880.702.540
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		67.429.771.133	58.862.483.428
268	3. Tài sản dài hạn khác		28.799.590.538	23.631.974.281
<b>269</b>	<b>VI. Lợi thế thương mại</b>			-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>19.552.034.785.782</b>	<b>18.814.766.703.277</b>

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn  
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

B01-DN/HN

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30.09.2014 VNĐ	Tại ngày 31.12.2013 VNĐ
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>6.335.933.668.635</b>	<b>7.713.291.979.981</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>4.910.228.068.570</b>	<b>6.146.682.094.552</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		403.541.658.472	466.463.124.775
312	2. Phải trả người bán	13	1.246.324.040.965	1.854.719.268.413
313	3. Người mua trả tiền trước	14	130.583.499.376	40.058.939.035
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	780.214.084.367	985.611.907.490
315	5. Phải trả người lao động		153.321.180.163	185.668.053.804
316	6. Chi phí phải trả		328.529.549.205	455.032.114.693
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	1.707.992.774.109	1.901.822.444.913
	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		0	5.547.318.391
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	159.721.281.913	251.758.923.038
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.425.705.600.065</b>	<b>1.566.609.885.429</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		131.980.675.386	138.947.649.182
334	2. Vay và nợ dài hạn		1.075.391.469.927	1.203.542.601.362
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		54.970.982.868	54.709.929.509
	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		46.742.907.419	52.790.140.911
	7. Dự phòng phải trả dài hạn		55.655.606.015	55.655.606.015
	8. Doanh thu chưa thực hiện		3.377.508.614	3.377.508.614
	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		57.586.449.836	57.586.449.836
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>12.343.761.004.235</b>	<b>10.303.926.639.546</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>12.343.723.604.235</b>	<b>10.303.889.239.546</b>
411	1. Vốn cổ phần		6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.516.371.220	1.516.371.220
414	4. Cổ phiếu quỹ		(32.550.000.000)	(32.550.000.000)
	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		7.784.800.943	6.197.029.131
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		338.857.465.764	323.987.119.761
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		594.664.051.875	592.032.667.537
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.901.500.279	4.901.500.279
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.015.737.554.155	2.994.992.691.618
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>37.400.000</b>	<b>37.400.000</b>
432	1. Nguồn kinh phí		37.400.000	37.400.000
<b>439</b>	<b>C. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>872.340.112.912</b>	<b>797.548.083.751</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>19.552.034.785.782</b>	<b>18.814.766.703.277</b>



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


CÁC CHỈ TIÊU	Tại ngày 30.09.2014 VNĐ	Tại ngày 31.12.2013 VNĐ
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VNĐ)	19.554.640.500	29.058.979.976
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	2.117.520.282	2.117.520.282
3. Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	207.840,57	1.974.498
- Euro (EUR)	82.089,04	168.693



Hoàng Thanh Vân  
Người lập



Nguyễn Tiến Dũng  
Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Hạnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 11 năm 2014

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

B02-DN/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 3/2014		Quý 3/2013		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.532.733.477.152	6.928.135.572.693	21.936.679.945.279	19.732.400.056.008		
03	Các khoản giảm trừ doanh thu		1.228.832.977.915	1.041.251.254.112	3.594.221.125.064	2.978.111.335.132		
10	<b>Doanh thu thuần</b>		6.303.900.499.237	5.886.884.318.581	18.342.458.820.215	16.754.288.720.876		
11	Giá vốn hàng bán		4.292.732.981.032	4.438.275.760.657	13.283.697.620.727	12.600.506.402.488		
20	<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		2.011.167.518.204	1.448.608.557.924	5.058.761.199.488	4.153.782.318.388		
21	Doanh thu hoạt động tài chính		95.969.767.001	89.404.048.286	258.781.406.157	262.227.321.446		
22	Chi phí hoạt động tài chính		56.021.423.406	36.705.476.179	109.619.685.962	137.601.742.140		
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		23.781.210.231	193.787.195.477	84.584.985.902	111.944.735.163		
24	Chi phí bán hàng		880.564.153.103	466.952.926.020	1.743.476.116.242	1.239.292.346.227		
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		139.358.723.388	105.212.688.546	380.442.871.819	306.875.620.581		
30	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		1.031.192.985.308	929.141.515.465	3.084.003.931.621	2.732.239.930.886		
31	Thu nhập khác		20.809.475.904	33.305.675.438	134.622.355.079	64.997.067.107		
32	Chi phí khác		21.696.756.923	32.205.143.633	123.151.142.630	63.730.311.314		
40	<b>Lợi nhuận khác</b>		(887.281.019)	1.100.531.805	11.471.212.449	1.266.755.793		
45	<b>Phần lợi nhuận từ các công ty liên kết</b>		170.924.978.995	45.455.203.185	287.577.431.824	245.961.529.275		
50	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		1.201.230.683.284	975.697.250.455	3.383.052.575.895	2.979.468.215.954		
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành		165.962.585.082	222.371.514.433	659.714.917.758	671.948.451.749		
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		7.276.935.368	(21.810.618.190)	(8.832.430.509)	92.889.597.502		
60	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		1.027.991.162.834	775.136.354.212	2.732.170.088.645	2.214.630.166.703		
61	18.1. Lợi ích của các cổ đông thiểu số		49.768.500.776	16.512.986.416	123.367.251.816	88.769.775.747		
62	18.2. Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		978.222.662.057	758.623.367.796	2.608.802.836.829	2.125.860.390.956		
70	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		1.527	1.184	4.071	3.317		



*(Handwritten signature)*

Nguyễn Tiến Dũng  
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Hạnh  
Tổng Giám đốc

Hoàng Thanh Vân  
Người lập

Ngày 25 tháng 11 năm 2014



Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2014	30.09.2013
			VNĐ	VNĐ
<b>01</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		<b>3.383.052.575.895</b>	<b>2.979.468.215.954</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		434.759.089.233	403.137.481.717
03	Các khoản dự phòng		1.513.569.319	(583.543.533)
04	Lỗi/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(295.905.693)	(120.293.778)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(543.279.020.438)	(524.864.607.600)
06	Chi phí lãi vay		84.584.985.902	112.204.097.971
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>			
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(162.219.164.560)	45.860.061.338
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		134.201.859.519	(147.987.776.444)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả		(1.153.109.898.828)	(56.497.240.673)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(44.662.642.605)	(63.255.744.628)
13	Tiền lãi vay đã trả		(83.309.020.540)	(120.235.974.932)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(885.221.570.703)	(649.779.240.233)
15	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		37.341.700.762	27.204.302.346
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(24.067.578.994)	(136.519.044.755)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>1.179.288.978.268</b>	<b>1.868.030.692.750</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(703.606.621.685)	(516.209.252.635)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.759.510.000	92.635.359.764
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(681.312.345.409)	(176.954.266.520)
25	Tiền chi để đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(20.000.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		5.499.450.000	90.177.967.385
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		261.230.268.278	247.185.176.406
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.136.429.738.816)</b>	<b>(263.165.015.600)</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Nhận vốn góp của các cổ đông thiểu số		-	-
32	Tiền mua lại cổ phiếu quỹ		-	-
33	Tiền vay đã nhận		1.400.407.104.144	838.436.625.865
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.683.550.758.319)	(1.081.315.676.386)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(153.451.541.655)	(1.454.097.088.730)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(436.595.195.830)</b>	<b>(1.696.976.139.251)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(393.735.956.378)</b>	<b>(92.110.462.100)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.848.255.566.490	1.662.187.658.746
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi tiền tệ			
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>1.454.519.610.110</b>	<b>1.570.077.196.646</b>

*Hoàng Thanh Vân*

Hoàng Thanh Vân  
 Người lập

Ngày 25 tháng 11 năm 2014

*Nguyễn Tiến Dũng*

Nguyễn Tiến Dũng  
 Kế toán trưởng



*Phạm Thị Hồng Hạnh*

Phạm Thị Hồng Hạnh  
 Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ 9 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2014**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Tổng Công ty Cổ phần Bia -Rượu -Nước giải khát Sài Gòn ("Tổng Công ty") được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị: Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước giải khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy phép kinh doanh số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh công ty cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Tổng Công ty có 23 công ty con và 21 công ty liên doanh, liên kết như được trình bày trong Thuyết minh 2.19 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì;
- Cung cấp dịch vụ vận tải, hậu cần và kho bãi;
- Sản xuất sản phẩm cơ khí, xây dựng kết cấu thép và cung cấp dịch vụ cơ khí lắp đặt; và
- Xây dựng và cung cấp dịch vụ bất động sản.

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") và quyền lợi của Tập đoàn trong các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh được liệt kê ở trang tiếp theo:



## Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

### 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Tên	Địa điểm	Hoạt động kinh doanh chính	30.09.2014		31.12.2013	
			Quyền sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Quyền sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
<b>I-Công ty con</b>						
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Tây	Cần Thơ	Sản xuất và kinh doanh bia	51,00	51,00	51,00	51,00
Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương	Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh nước giải khát, đồ hộp và phụ liệu, đầu tư bất động sản	62,06	62,06	62,06	62,06
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Sản xuất và kinh doanh bia	66,56	66,56	66,56	66,56
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	93,32	93,47	93,32	93,47
Công ty Cổ phần Bia Rượu Sài Gòn-Đồng Xuân	Phú Thọ	Sản xuất bia và nước giải khát có ga, kinh doanh vận chuyển	55,90	56,24	55,90	56,24
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Nghệ Tĩnh	Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, đồ hộp và phụ liệu	54,73	54,73	54,73	54,73
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Sông Lam	Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát, xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan	68,78	68,78	68,78	68,78
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Hà Nội	Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát, xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan	52,11	52,11	52,11	52,11
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco	Hồ Chí Minh	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100,00	100,00	100,00	100,00
Công ty cổ phần thương mại SABECO Miền Bắc	Hà Nội	Mua bán rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống, khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); vận chuyển hàng hóa và cho thuê kho bãi	94,08	94,08	93,85	93,85
Công ty cổ phần thương mại SABECO Bắc Trung Bộ	Nghệ An	Mua bán rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống, khách sạn; kho bãi và vận tải hàng hóa	94,92	94,92	94,92	94,92
Công ty cổ phần thương mại SABECO Trung Tâm	Hồ Chí Minh	Bán buôn đồ uống có cồn; banns buôn đồ uống không có cồn (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống); bán buôn hóa chất khác; cồn; mua bán bao bì; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; nhà hàng, khách sạn; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	92,80	92,80	92,54	92,54
Công ty cổ phần thương mại SABECO Miền Trung	Quảng Ngãi	Mua bán rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh khách sạn, nhà hàng, kho bãi; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô	91,04	91,04	90,30	90,30

## Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

### 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Tên	Địa điểm	Hoạt động kinh doanh chính	30.09.2014		31.12.2013	
			Quyền sở hữu	Quyền biểu quyết	Quyền sở hữu	Quyền biểu quyết
			(%)	(%)	(%)	(%)
<b>I-Công ty con (tiếp theo)</b>						
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO Tây Nguyên	Đak Lak	Mua bán rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh khách sạn, nhà hàng, kho bãi; kinh doanh và vận chuyển	90,00	90,00	90,00	90,00
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO Nam Trung Bộ	Khánh Hòa	Mua bán rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống; vận chuyển hàng hóa và cho thuê kho bãi	90,14	90,14	90,14	90,14
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO Miền Đông	Bình Dương	Mua bán rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống; vận chuyển hàng hóa đường bộ và đường thủy	90,54	90,54	90,29	90,29
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO Sông Tiền	Vĩnh Long	Mua bán rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn; cho thuê kho bãi; vận chuyển hàng hóa đường bộ	90,00	90,00	90,00	90,00
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO Sông Hậu	Cần Thơ	Mua bán rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống; vận chuyển hàng hóa đường bộ và đường thủy	90,00	90,00	90,00	90,00
Công ty TNHH 1 Thành viên Cơ khí SABECO	Hồ Chí Minh	Chế tạo máy móc dùng cho sản xuất thực phẩm, lắp đặt và bảo trì hệ thống máy móc thiết bị	100,00	100,00	100,00	100,00
Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn -Sóc Trăng	Sóc Trăng	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, đồ uống không cồn, các loại rượu mạnh; cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ, dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trước hoạt động)	51,00	100,00	51,00	100,00
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO Đông Bắc	Hồ Chí Minh	Mua bán rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn; kho bãi và vận chuyển hàng hóa	90,00	90,00	90,00	90,00
Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn-Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, đồ uống không cồn, các loại rượu mạnh; cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ, dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trước hoạt động)	100,00	100,00	100,00	100,00
Công ty Cổ phần Bao Bì Bia Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Sản xuất và mua bán nắp khoen thiếc và bao bì kim loại, bao bì phục vụ ngành đồ uống thực phẩm, mua bán bao bì nguyên liệu ngành bao bì, in ấn	76,81	76,81	76,81	76,81

## Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

### 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Tên	Địa điểm	Hoạt động kinh doanh chính	30.09.2014		31.12.2013	
			Quyền sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Quyền sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
<b>II-Công ty liên doanh</b>						
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh (*)	Hồ Chí Minh	Cho thuê và quản lý cao ốc văn phòng	30,00	25,00	30,00	25,00
Công ty TNHH Crown Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Sản xuất lon nhôm	30,00	30,00	30,00	30,00
Công ty TNHH Thủy Tinh Malaysia Việt Nam	Hồ Chí Minh	Sản xuất các sản phẩm thủy tinh	30,00	30,00	30,00	30,00
Công ty TNHH Bao Bì Samiguel Phú Thọ	Hồ Chí Minh	Sản xuất và bán các sản phẩm bao bì đóng gói bằng kim loại	35,00	35,00	35,00	35,00
Công ty TNHH Sản xuất Rượu Cồn Việt Nam	Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh rượu và các sản phẩm nước uống có cồn	45,00	45,00	45,00	45,00
<b>III-Công ty liên kết</b>						
Công ty Cổ phần thủy điện Miền Nam	Hồ Chí Minh	Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện	20,22	20,22	20,22	20,22
Công ty cổ phần Lương thực-Thực phẩm SABECO	Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm	27,71	27,97	27,71	27,97
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Lý	Hà Nam	Sản xuất bia, nước khoáng; dịch vụ khách sạn và vận chuyển	29,76	29,76	29,76	29,76
Công ty CP Vận Tải giao nhận Bia Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận chuyển	25,00	25,00	25,00	25,00
Công ty CP Bao Bì Kho Bãi Bình Tây	Hồ Chí Minh	Sản xuất hộp, thùng bằng carton nhựa và kim loại	20,00	20,00	20,00	20,00
Cty CP Tư vấn & chuyển giao công nghệ Thành Nam	Hồ Chí Minh	Tư vấn xây dựng và thiết kế.	28,57	28,57	28,57	28,57
Công ty CP Kinh Doanh Hạ Tầng Khu Công Nghiệp SABECO	Hồ Chí Minh	Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng, nhà cửa và khu công nghiệp	35,47	37,87	35,47	37,87
Công ty CP Bia Sài Gòn-Phú Thọ	Phú Thọ	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	30,85	33,85	30,84	33,85
Công ty cổ phần cơ khí và xây lắp công nghiệp	Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc cầu đường và xây dựng công nghiệp	26,00	26,00	26,00	26,00
Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Sài Gòn-Tây Đô	Cần Thơ	Sản xuất và kinh doanh rượu, bia, nước giải khát, sữa đậu nành, nước ép trái cây.	30,75	38,51	30,75	38,51



## Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

### 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Tên	Địa điểm	Hoạt động kinh doanh chính	30.09.2014		31.12.2013	
			Quyền sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Quyền sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
<b>III-Công ty liên kết (tiếp theo)</b>						
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Bình Tây	Hồ Chí Minh	Sản xuất, gia công và kinh doanh thực phẩm, nước giải khát, bia và nước uống có cồn, sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng dân dụng và công nghiệp	21,57	22,17	21,57	22,17
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung	Bình Định	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế.	32,43	32,44	32,43	32,44
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Tân Thành	Hồ Chí Minh	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	29,00	29,00	29,00	29,00
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Bạc Liêu	Bạc Liêu	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	10,20	20,00	10,20	20,00
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Ninh Thuận	Ninh Thuận	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	20,00	20,00	20,00	20,00
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Vĩnh Long	Vĩnh Long	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	20,00	20,00	20,00	20,00
Công ty CP Bất-Động Sản Sabeco	Hồ Chí Minh	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn; tổ chức hội nghị, hội thảo, kinh doanh du lịch ở hành nội địa, quốc tế, kinh doanh bất động sản	45,00	45,00	45,00	45,00
Công ty CP Bia Sài Gòn Kiên Giang	Kiên Giang	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	20,00	20,00	20,00	20,00

(\*) Quyền sở hữu của Tập đoàn trong Liên doanh Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh được quy định tại hợp đồng Liên doanh giữa Công ty nước giải khát Chương Dương và bên đối tác là Công ty Centrepoint Properties Ltd, một công ty được thành lập tại Singapore, ký ngày 24 tháng 11 năm 1994. Theo đó, lợi nhuận được phân chia cho các bên theo lịch biểu quy định tại hợp đồng này. Năm 2014, tỷ lệ phân chia cho Tập đoàn và bên đối tác tương ứng là 30% và 70%.

## 2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

### 2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 9.

### 2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

### 2.5 Hợp nhất báo cáo

Tập đoàn soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

#### **Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

### 2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

#### *Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông thiểu số*

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông thiểu số giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần cho cổ đông thiểu số được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc mua cổ phần từ cổ đông thiểu số sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa khoản tiền thanh toán và phần giá trị tài sản thuần thể hiện trên sổ sách của công ty con.

#### *Liên doanh và công ty liên kết*

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong liên doanh và các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

#### 2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

### 2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 2.7 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

#### 2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

#### 2.9 Đầu tư

##### (a) Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán và các khoản đầu tư được giữ lại với ý định để bán trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư ngắn hạn được hạch toán ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được lập khi giá gốc của các chứng khoán cao hơn giá trị hợp lý.

##### (b) Đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết

Đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

##### (c) Đầu tư dài hạn khác

- (i) Tiền gửi ngân hàng dài hạn là các khoản tiền gửi có thời hạn đáo hạn trên 12 tháng tính từ ngày lập bảng cân đối kế toán và được hạch toán theo giá gốc.
- (ii) Các khoản đầu tư vào trái phiếu được phân loại là đầu tư dài hạn khi những khoản đầu tư này được Tập đoàn nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư trái phiếu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có bằng chứng về sự giảm giá trị dài hạn của các chứng khoán hoặc Tập đoàn không thể thu hồi khoản đầu tư.
- (iii) Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các Tập đoàn niêm yết và chưa niêm yết được Tập đoàn nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, ngoại trừ một số khoản đầu tư của Tổng Công ty được đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và tại ngày 30 tháng 4 năm 2008 cho mục đích cổ phần hóa theo Biên bản quyết toán cổ phần hóa ngày 6 tháng 3 năm 2010. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

### 2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 2.10 Tài sản cố định

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế, ngoại trừ các tài sản đã được đánh giá lại trong quá trình cổ phần hóa của Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định. Trong quá trình cổ phần hóa của Tổng Công ty Nhà nước, tài sản cố định đã được đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và 30 tháng 4 năm 2008.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5-25 năm
Máy móc thiết bị	5-12 năm
Phương tiện vận tải	3-8 năm
Thiết bị quản lý	3-5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn và được định giá lại trong giai đoạn cổ phần hóa Tổng Công ty nhà nước theo Quyết định số 1862/QĐ-TT, phê duyệt bởi Thủ tướng chính phủ và không được khấu hao.

*Thanh lý*

Lãi và lỗ do thanh lý tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản cố định và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 2.11 Thuê tài sản cố định

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

### 2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 2.12 Bất động sản đầu tư

##### *Khấu hao*

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các nhóm tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	25-50 năm
Nhà cửa	5-25 năm

##### *Thanh lý*

Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 2.13 Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, phí đào tạo, chi phí chuyển dịch địa điểm và chi phí quảng cáo. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ trong vòng 3 năm từ khi bắt đầu hoạt động.

#### 2.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### 2.15 Ghi nhận doanh thu

##### (a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng.

##### (b) Doanh thu gia công

Doanh thu hoạt động gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa đã được gia công và đã được bên chủ hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền gia công.

##### (c) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

##### (d) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

##### (f) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong giai đoạn Tập đoàn được quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

### 2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 2.16 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

#### 2.17 Chia cổ tức

Cổ tức của cổ đông của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được các cổ đông phê chuẩn.

#### 2.18 Phương pháp trích lập các quỹ dự trữ

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn dựa theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Nội dung của các quỹ dự trữ này như sau:

##### (a) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Tập đoàn trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay ngoài nước.

##### (b) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

##### (c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn theo đề xuất của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

### 2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 2.18 Phương pháp trích lập các quỹ dự trữ (tiếp theo)

##### (d) Quỹ công tác xã hội

Quỹ công tác xã hội được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn theo đề xuất của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập để thực hiện công tác an sinh xã hội, các hoạt động từ thiện, các hoạt động vì cộng đồng, vì xã hội của Tập đoàn.

#### 2.19 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

#### 2.20 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

#### 2.21 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông hoặc quyền chọn được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

Khi mua lại cổ phiếu vốn đã phát hành của Tập đoàn (cổ phiếu quỹ), tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, sẽ được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu cho đến khi các cổ phiếu này được hủy hoặc tái phát hành. Khi các cổ phiếu quỹ này được bán đi hoặc tái phát hành, số tiền nhận được trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc bán đi hoặc tái phát hành được hạch toán tăng vốn chủ sở hữu.



**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30.09.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Tiền mặt	3.557.962.454	3.096.950.635
Tiền gửi ngân hàng	1.009.622.456.813	736.973.231.406
Các khoản tương đương tiền	441.339.190.843	1.108.185.384.449
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.454.519.610.110</u></b>	<b><u>1.848.255.566.490</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn chủ yếu thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 1 năm

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

		<b>30.09.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
		<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Đầu tư vào các công ty liên doanh	(i)	521.655.140.992	480.898.847.285
Đầu tư vào các công ty liên kết	(ii)	1.356.994.877.668	1.290.604.840.622
		<u>1.878.650.018.660</u>	<u>1.771.503.687.908</u>
Đầu tư dài hạn khác	(iii)	1.135.598.052.043	1.143.904.162.390
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	(iv)	(504.367.746.788)	(488.806.522.579)
		<b><u>2.509.880.323.915</u></b>	<b><u>2.426.601.327.719</u></b>

Chi tiết số dư đầu tư tài chính dài hạn cuối kỳ của Tổng công ty như sau:

(i) Đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu vào các công ty liên doanh

	<b>30.09.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	102.429.936.131	107.719.580.378
Công ty TNHH Crown Sài Gòn	296.193.386.079	247.544.159.184
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	57.732.288.998	67.655.363.863
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Phú Thọ	48.690.214.904	42.504.905.360
Công ty TNHH Rượu và Cồn Việt Nam	16.609.314.880	15.474.838.500
	<b><u>521.655.140.992</u></b>	<b><u>480.898.847.285</u></b>

(ii) Đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu vào các công ty liên kết

	<b>30.09.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	235.389.983.358	218.567.226.343
Công ty Cổ phần Kinh doanh LTTP SABECO	5.752.385.578	5.656.511.242
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Lý	93.534.867.560	86.259.726.432
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	29.784.789.548	11.785.401.286
Công ty Cổ phần Bao bì Kho Bãi Bình Tây	1.865.588.673	2.088.800.637



Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao Công nghệ Thành Nam	332.158.151	332.158.151
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Hạ tầng KCN SABECO	14.362.156.147	15.236.176.174
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ	69.879.209.630	73.614.251.831
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công Nghiệp	12.524.868.314	12.315.248.413
Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô	84.567.804.184	82.602.164.409
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bình Tây	261.792.412.374	264.951.054.575
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	120.867.717.301	118.005.535.841
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Tân Thành	305.300.852.990	305.630.355.566
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	34.506.862.927	33.636.493.813
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	26.822.944.721	22.801.379.387
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn -Vĩnh Long	33.451.985.865	30.864.066.174
Công ty CP Bất Động Sản Sabeco	6.258.290.348	6.258.290.348
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	20.000.000.000	

**1.356.994.877.668                      1.290.604.840.622**

*(iii) Đầu tư dài hạn khác*

	<b>30.09.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Chứng khoán	642.033.954.621	596.033.954.621
Trái phiếu	270.868.879.905	270.868.879.905
Khác	222.695.217.517	277.001.327.864
	<b><u>1.135.598.052.043</u></b>	<b><u>1.143.904.162.390</u></b>

(\*) Tổng công ty đầu tư vào trái phiếu của các ngân hàng thương mại với mức lãi suất từ 10,3% đến 12,4% (2012: 10,3% đến 12,4%) một năm và đáo hạn trong năm 2016

*(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn*

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn chủ yếu được lập cho các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn. Biến động về dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	<b>30.09.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Số đầu kỳ	488.806.522.579	453.877.806.314
Trích lập/(hoàn nhập) trong kỳ	15.561.224.209	34.928.716.265
Số cuối kỳ	<b><u>504.367.746.788</u></b>	<b><u>488.806.522.579</u></b>

**5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>30.09.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phải thu từ các bên thứ ba	154.687.651.631	138.685.623.226
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	346.001.401.762	407.879.264.953
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>500.689.053.393</u></b>	<b><u>546.564.888.179</u></b>

**6 TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN**

	<b>30.09.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Trả trước cho các bên thứ ba	192.952.555.287	160.403.913.901
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	466.817.100	594.825.000
	<b><u>193.419.372.387</u></b>	<b><u>160.998.738.901</u></b>

**7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>30.09.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<i>Phải thu từ bên thứ ba</i>	124.660.234.900	99.109.778.706
<i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	80.294.006.122	4.593.135.544
	<b><u>204.954.241.022</u></b>	<b><u>103.702.914.250</u></b>

**8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	<b>30.09.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Số đầu năm	45.212.850.634	28.260.665.918
Dự phòng trích lập trong năm	562.698.454	20.955.988.440
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(6.484.980)	(4.003.803.724)
Giảm khác		-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>45.769.064.108</u></b>	<b><u>45.212.850.634</u></b>

**9 HÀNG TỒN KHO**

	<b>30.09.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Hàng mua đang đi đường	121.478.244.199	480.414.425.756
Nguyên vật liệu	378.795.157.822	379.609.101.598
Công cụ, dụng cụ	46.558.545.536	55.903.235.083
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	213.236.222.400	218.463.122.497
Thành phẩm	838.764.517.294	593.340.208.357
Hàng gửi đi bán	54.073.338	5.358.526.817
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.598.886.760.589</u></b>	<b><u>1.733.088.620.107</u></b>

**10 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30.09.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Tài sản thiếu chờ xử lý	15.020.995.041	15.158.472.345
Tạm ứng cho nhân viên	16.553.553.998	10.320.586.281
Các khoản cầm cố, ký quỹ ngắn hạn	16.929.860.628	752.040.665
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>48.504.409.667</u></b>	<b><u>26.231.099.291</u></b>

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

B09-DN/HN

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	1.400.646.216.577	5.814.807.562.481	162.369.654.156	104.845.188.848	7.482.668.622.062
Tăng trong năm					
Trong đó:					
Mua mới	4.681.831.072	122.360.580.668	13.827.721.444	9.585.897.691	150.456.030.875
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	149.550.581.640	636.112.542.884	5.165.867.581	6.060.463.661	796.889.455.766
Tặng khác	293.700.000				293.700.000
Giảm trong năm					
Trong đó:					
Thanh lý, nhượng bán	(2.786.144.338)	(82.429.280.595)	(1.019.882.982)	(215.167.839)	(86.450.475.754)
Giảm khác	(74.299.774)	(1.181.372.646)	(228.732.903)	(14.085.345)	(1.498.490.668)
Số cuối năm	1.552.311.885.177	6.489.670.032.792	180.114.627.296	120.262.297.016	8.342.358.842.281
<b>Giá trị khấu hao:</b>					
Số đầu năm	397.939.123.248	2.498.786.506.849	86.572.563.478	44.184.881.783	3.027.483.075.358
Khấu hao trong năm	62.641.594.625	337.725.936.688	14.936.414.733	9.416.983.519	424.720.929.564
Tặng khác	0	369.981.222	0	238.828.933	608.810.155
Giảm trong năm					
Trong đó:					
Thanh lý, nhượng bán	(2.421.616.567)	(10.438.896.184)	(1.019.882.982)	(215.167.839)	(14.095.563.572)
Giảm khác	(498.156.788)	(83.317.220)	(434.149.117)	-	(1.015.623.125)
Số cuối năm	457.660.944.518	2.826.360.211.355	100.054.946.112	53.625.526.396	3.437.701.628.380
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số dư đầu năm	1.002.707.093.329	3.316.021.055.632	75.797.090.678	60.660.307.065	4.455.185.546.704
Số dư cuối năm	1.094.650.940.660	3.663.309.821.438	80.059.681.184	66.636.770.620	4.904.657.213.901



## Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

### 11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	1.649.378.511.956	45.126.675.853	818.700.000	1.695.323.887.809
Mua trong năm	2.334.031.095	-	660.700.000	2.994.731.095
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-
Phân loại lại	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Phân loại lại	-	-	-	-
Số cuối năm	1.651.712.543.051	45.126.675.853	1.479.400.000	1.698.318.618.904
<b>Giá trị khấu hao:</b>				
Số đầu năm	11.613.207.670	39.206.179.064	240.343.055	51.059.729.789
Khấu hao trong năm	4.105.265.271	4.297.123.905	21.899.997	8.424.289.173
Giảm trong năm	-	-	-	-
Trong đó:				
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm do giảm công ty con	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số cuối năm	15.718.472.941	43.503.302.969	262.243.052	59.484.018.962
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số dư đầu năm	1.637.765.304.286	5.920.496.789	578.356.945	1.644.264.158.020
Số dư cuối năm	1.635.994.070.110	1.623.372.884	1.217.156.948	1.638.834.599.942

**11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(b) Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

Tổng Công ty đã ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa trên tài khoản tài sản cố định vô hình và tài khoản đối ứng trên các tài khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác tương ứng với số tiền là 1.492.547.178.700 đồng (Thuyết minh 20) theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và Biên bản công tác quyết toán cổ phần hóa của Tổng công ty do Ban Quyết toán cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài Chính thực hiện tại thời điểm ngày 30 tháng 4 năm 2008 được lập vào ngày 6 tháng 3 năm 2010.

Các khu đất này được dùng cho mục đích sản xuất kinh doanh, và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 5 khu đất này chỉ có tính tạm thời. Không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, góp vốn, thế chấp quyền sử dụng đất.

<i>Địa chỉ</i>	<i>Diện tích (m<sup>2</sup>)</i>	<i>Giá trị định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp (VNĐ)</i>
2-4-6 Đường Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	6.080,20	757.167.306.000
46 Đường Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.872,50	55.241.212.500
187 Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.406,10	418.634.111.100
474 Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	7.729,00	247.637.160.000
18/3B Đường Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.216,30	13.867.389.100
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.492.547.178.700</b>



**12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>30.09.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Vỏ chai, két, bao bì sử dụng nhiều lần	580.731.410.574	610.212.186.281
Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa	187.552.902.916	226.217.355.625
Tiền thuê đất	166.269.718.670	165.083.170.983
Công cụ, dụng cụ	11.288.457.742	14.874.114.702
Tiền thuê nhà kho	71.209.990.073	17.285.495.995
Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn xây dựng cơ bản	7.897.810.365	7.897.810.365
Chi phí sửa chữa, phụ tùng thay thế	16.908.388.662	12.850.031.931
Khác	111.645.405.004	106.460.536.658
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.153.504.084.006</u></b>	<b><u>1.160.880.702.540</u></b>

**13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>30.09.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phải trả các bên thứ ba	523.835.183.589	1.155.251.462.565
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	722.488.857.376	699.467.805.848
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.246.324.040.965</u></b>	<b><u>1.854.719.268.413</u></b>

**14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

Số dư thể hiện khoản trả trước tiền mua hàng từ người mua là bên thứ ba tại các công ty Bia Sài Gòn thương mại khu vực.

**15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>30.09.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Thuế tiêu thụ đặc biệt	531.657.990.672	525.647.807.539
Thuế thu nhập doanh nghiệp	146.489.877.165	371.015.813.998
Thuế giá trị gia tăng	80.182.930.440	64.118.927.596
Thuế thu nhập cá nhân	4.087.425.662	8.001.642.912
Tiền thuê đất	7.045.076.723	16.368.847.815
Thuế nhập khẩu		
Thuế nhà thầu		
Thuế tài nguyên	17.056.640	
Các khoản khác	10.733.727.065	458.867.630
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>780.214.084.367</u></b>	<b><u>985.611.907.490</u></b>



**16 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30.09.2014</b> VNĐ	<b>31.12.2013</b> VNĐ
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa	1.492.547.178.700	1.492.547.178.700
Quỹ công tác xã hội	41.441.934.617	92.701.082.839
Ký quỹ ngắn hạn	54.441.968.071	88.088.291.450
Cổ tức phải trả cho cổ đông khác	44.247.344.080	132.265.962.063
Tạm ứng từ việc thanh lý giải thể Quỹ Đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2 (*)	15.350.000.000	15.350.000.000
Phải trả Nhà nước về cổ phần hóa của Tổng Công ty (**)	11.436.423.181	11.436.423.181
Các khoản khác	48.527.925.460	69.433.506.680
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.707.992.774.109</u></b>	<b><u>1.901.822.444.913</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	3.078.353.969	327.017.962
<i>Phải trả cho các bên thứ ba</i>	1.704.914.420.140	1.901.124.171.950

**17 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<b>30.09.2014</b> VNĐ	<b>31.12.2013</b> VNĐ
Số đầu kỳ/ năm	251.758.923.038	203.044.581.777
Trích lập thêm	57.530.495.151	223.073.258.100
Chi trả trong năm	(149.568.136.276)	(174.358.916.839)
Số cuối kỳ/năm	<b><u>159.721.281.913</u></b>	<b><u>251.758.923.038</u></b>

**18 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Vốn cổ phần**

Vào ngày 17 tháng 4 năm 2008, Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và phát hành Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Tất cả các cổ phiếu có cùng các quyền, Các cổ đông của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2014 gồm:

	<b>30.09.2014</b> <b>Số cổ phiếu</b> <b>phổ thông</b>	<b>31.12.2013</b> <b>Số cổ phiếu</b> <b>phổ thông</b>
Số lượng cổ phiếu được duyệt	641.281.186	641.281.186
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	641.281.186	641.281.186
Số lượng cổ phiếu quỹ	(465.000)	(465.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b><u>640.816.186</u></b>	<b><u>640.816.186</u></b>

## Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

## 18 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước:</b>									
Số đầu năm	6.412.811.860.000		(34.805.701.097)	41.308.215.762	279.330.566.551	474.398.735.808	4.632.531.750	3.385.681.345.931	10.563.357.554.705
Cổ phiếu quỹ				(35.111.186.631)					(35.111.186.631)
Chênh lệch tỷ giá									
Lợi nhuận thuần trong năm		1.516.371.220			44.656.553.210	138.067.391.599		2.417.695.439.757	2.417.695.439.757
Trích quỹ									
Chia cổ tức								(184.240.316.029)	
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi								(2.351.848.785.879)	(2.351.848.785.879)
Trích lập quỹ an sinh xã hội								(223.073.258.100)	(223.073.258.100)
Sử dụng quỹ								(27.733.000.000)	(27.733.000.000)
Tăng/(giảm) khác			2.255.701.097		(20.433.459.870)		268.968.529	(21.488.734.062)	(39.397.524.306)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.412.811.860.000</b>	<b>1.516.371.220</b>	<b>(32.550.000.000)</b>	<b>6.197.029.131</b>	<b>323.987.119.761</b>	<b>592.032.667.537</b>	<b>4.901.500.279</b>	<b>2.994.992.691.618</b>	<b>10.303.889.239.546</b>
<b>Năm nay:</b>									
Số đầu năm	6.412.811.860.000	1.516.371.220	(32.550.000.000)	6.197.029.131	323.987.119.761	592.032.667.537	4.901.500.279	2.994.992.691.618	10.303.889.239.546
Cổ phiếu quỹ				1.587.771.812					1.587.771.812
Chênh lệch tỷ giá									
Lợi nhuận thuần trong năm					14.870.346.003	2.631.384.338		2.608.802.836.829	2.608.802.836.829
Trích quỹ									
Chia cổ tức								(17.501.730.341)	
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi								(513.025.748.800)	(513.025.748.800)
Trích lập quỹ Công tác xã hội								(57.530.495.151)	(57.530.495.151)
Phân loại lại									
Tăng/(giảm) khác									
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.412.811.860.000</b>	<b>1.516.371.220</b>	<b>(32.550.000.000)</b>	<b>7.784.800.943</b>	<b>338.857.465.764</b>	<b>594.664.051.875</b>	<b>4.901.500.279</b>	<b>5.015.737.554.155</b>	<b>12.343.723.604.236</b>

**19 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	30.09.2014 VNĐ	30.09.2013 VNĐ
Doanh thu bia	19.440.533.012.470	16.961.826.657.202
Doanh thu bao bì vật tư	2.092.250.351.229	2.375.619.106.763
Doanh thu nước giải khát	268.087.360.703	288.353.036.060
Doanh thu cồn	34.683.577.923	60.708.988.122
Doanh thu rượu	22.795.209.925	24.150.855.028
Doanh thu khác	78.330.433.029	21.741.412.833
<b>Doanh thu gộp</b>	<b><u>21.936.679.945.279</u></b>	<b><u>19.732.400.056.008</u></b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>3.594.221.125.064</b>	<b>2.978.111.335.132</b>
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	3.583.148.764.297	2.970.620.525.290
Chiết khấu thương mại	8.139.477.023	4.964.926.825
Giảm giá hàng bán	2.675.770.359	1.762.539.607
Hàng bán bị trả lại	257.113.385	763.343.410
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>18.342.458.820.215</u></b>	<b><u>16.754.288.720.876</u></b>

**20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	30.09.2014 VNĐ	30.09.2013 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	227.006.512.982	209.731.185.166
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	21.660.000.003
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.667.322.280	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.923.706	128.579.521
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	295.905.693	120.883.267
Lãi bán hàng trả chậm	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	788.741.496	30.586.673.489
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>258.781.406.157</u></b>	<b><u>262.227.321.446</u></b>

**21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	30.09.2014 VNĐ	30.09.2013 VNĐ
Giá vốn bia	10.924.551.037.460	10.049.456.413.085
Giá vốn bao bì vật tư	1.981.210.557.457	2.248.358.417.325
Giá vốn nước giải khát	182.697.572.679	207.325.962.511
Giá vốn cồn	36.053.573.829	52.729.727.527
Giá vốn rượu	16.163.727.046	15.802.003.397
Giá vốn khác	143.021.152.257	26.833.878.643
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.283.697.620.727</u></b>	<b><u>12.600.506.402.488</u></b>





**22 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>30.09.2014</b>	<b>30.09.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Chi phí lãi vay	84.584.985.902	111.944.735.163
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	5.166.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.401.422.776	9.627.825.734
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	589.489
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	15.561.224.209	-
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	-	-
Chi phí tài chính khác	3.072.053.075	10.862.591.754
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>109.619.685.962</u></b>	<b><u>137.601.742.140</u></b>

**23 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>30.09.2014</b>	<b>30.09.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Lương nhân viên bán hàng	267.839.339.746	214.517.004.981
BHXH, BHYT, KPCĐ	31.889.212.187	13.208.704.901
Chi phí đào tạo học tập tuyển dụng	768.120.813	802.971.136
Chi phí vật liệu	9.840.391.204	7.234.260.610
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	7.926.922.289	13.790.848.347
Chi phí khấu hao TSCĐ	89.597.360.767	52.867.658.963
Chi phí bao bì hao bề	176.155.734.685	86.898.216.384
Chi phí bảo quản sản phẩm	727.189.790	683.906.610
Chi phí sửa chữa thường xuyên	2.943.493.116	1.725.876.872
Chi phí thuê kho	87.107.811.661	33.439.694.614
Chi phí vận chuyển, bốc vác	449.585.699.957	51.783.747.087
Dịch vụ mua ngoài	60.979.590.143	28.879.716.614
Chi phí quảng cáo, hoa hồng môi giới	500.814.033.325	596.680.161.107
Chi phí bán hàng khác	57.301.216.559	136.779.578.001
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.743.476.116.242</u></b>	<b><u>1.239.292.346.227</u></b>

**24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>30.09.2014</b>	<b>30.09.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Lương nhân viên quản lý	146.730.150.960	129.125.656.487
BHXH, BHYT, KPCĐ	11.927.328.204	7.198.788.864
Chi phí đào tạo	8.681.075.882	1.296.178.109
Chi phí vật liệu văn phòng	4.111.443.921	1.280.616.215
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.947.471.817	5.057.885.922
Chi phí khấu hao TSCĐ	22.328.458.023	21.301.746.040
Thuế và lệ phí	4.093.706.043	8.605.526.841
Chi phí sửa chữa thường xuyên	2.821.252.315	2.504.262.512
Dịch vụ mua ngoài	31.506.086.140	80.041.306.020
Các khoản dự phòng	3.563.216.282	-
Lợi thế thương mại	-	-
Chi phí quản lý khác	138.732.682.232	50.463.653.571
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>380.442.871.819</u></b>	<b><u>306.875.620.581</u></b>



**25 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<b>30.09.2014</b>	<b>30.09.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập bán vỡ chai két, thanh lý TSCĐ	97.280.654.317	33.209.614.543
Tiền phạt do khách vi phạm hợp đồng	2.869.218.417	674.642.146
Các khoản tiền thưởng của khách hàng	10.000.000	77.800.000
Thu lãi cho vay	-	-
Thu nhập khác	34.462.482.345	31.035.010.418
	<b><u>134.622.355.079</u></b>	<b><u>64.997.067.107</u></b>
<b>Chi Phí khác</b>		
Chi phí thanh lý tài sản cố định	100.041.642.461	16.543.757.684
Các khoản tiền phạt	347.732.323	10.359.612.454
Thuế phải nộp ngân sách	2.353.997.047	-
Giá vốn hàng hóa hao bẽ trong vận chuyển	-	210.652.103
Khác	20.407.770.799	36.616.289.073
	<b><u>123.151.142.630</u></b>	<b><u>63.730.311.314</u></b>
<b>Thu nhập/(chi phí)khác -Số thuần</b>	<b><u>11.471.212.449</u></b>	<b><u>1.266.755.793</u></b>

**26 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Cổ đông lớn nhất của Tổng công ty là Bộ Công Thương. Định nghĩa các bên liên quan được trình bày ở thuyết minh và chi tiết các bên liên quan là công ty con, công ty liên kết, liên doanh được trình bày ở thuyết minh số 1

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	30.09.2014 VNĐ	31.12.2013 VNĐ
<b><i>Phải thu khách hàng</i></b>		
Công ty cổ phần lương thực – Thực phẩm SABECO	-	49.997.484.241
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Lý	34.196.737.759	
Công ty CP Vận Tải giao nhận Bia Sài Gòn	74.219.082	18.145.204
Công ty CP Bia Sài Gòn - Phú Thọ	17.337.888.677	46.889.657.145
Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô	40.706.000.513	39.405.387.870
Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya Việt Nam	516.965.078	714.955.926
Công ty TNHH Sản xuất Rượu Cồn Việt Nam	672.122.880	
Công ty CP Bia Sài Gòn - Bình Tây	50.994.977.159	116.951.250.193
Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung.	45.129.965.822	38.952.998.066
Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	34.328.275.448	20.763.337.959
Công ty CP Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	37.674.247.795	58.402.638.228
Công ty CP Bia Sài Gòn -Vĩnh Long	84.370.001.549	35.783.410.121
	<b><u>346.001.401.762</u></b>	<b><u>407.879.264.953</u></b>
<b><i>Trả trước cho người bán</i></b>		
Công ty CP Vận Tải giao nhận Bia Sài Gòn	1.659.200	
Công ty CP Bao Bì Kho Bãi Bình Tây	252.720.400	
Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	212.437.500	594.825.000
	<b><u>466.817.100</u></b>	<b><u>594.825.000</u></b>
<b><i>Phải thu khác</i></b>		
Công ty Cổ phần thủy điện Miền Nam	15.160.570.400	-
Công ty cổ phần lương thực – Thực phẩm SABECO	5.741.500	
Công ty CP Vận Tải giao nhận Bia Sài Gòn	1.192.135.912	826.494.169
Công ty CP Bia Sài Gòn - Phú Thọ	1.650.000	1.650.000
Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô	2.116.600	-
Công ty TNHH Crown Sài Gòn	59.404.980.888	
Công ty CP Đầu tư Thương mại Tân Thành	1.259.212.575	1.259.212.575
Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	3.234.571.984	1.601.600.000
Công ty CP Bia Sài Gòn -Vĩnh Long	33.026.263	904.178.800
Cty CP Bất Động Sản Sabeco	-	
	<b><u>80.294.006.122</u></b>	<b><u>4.593.135.544</u></b>



**Phải trả người bán**

Công ty cổ phần lương thực – Thực phẩm SABECO	1.815.560.200	1.843.317.745
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Lý	22.475.102.320	40.166.210.260
Công ty CP Vận Tải giao nhận Bia Sài Gòn	278.303.946.173	68.248.757.623
Công ty CP Bia Sài Gòn - Phú Thọ	23.560.322.741	66.684.904.021
Công ty cổ phần cơ khí và xây lắp công nghiệp	-	744.802.671
Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô	43.638.228.080	12.567.320.960
Công ty TNHH Crown Sài Gòn	94.639.498.840	244.145.067.058
Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya Việt Nam	21.105.846.190	40.902.112.754
Công ty TNHH Bao Bì Samiguel Phú Thọ	17.215.605.500	13.292.952.800
Công ty CP Bia Sài Gòn - Bình Tây	80.173.560.182	77.935.599.182
Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung.	53.979.349.050	61.988.970.454
Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	11.755.892.940	15.661.055.520
Công ty CP Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	39.321.392.000	49.834.716.800
Công ty CP Bia Sài Gòn -Vĩnh Long	34.504.553.160	5.452.018.000

**722.488.857.376**

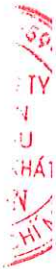
**699.467.805.848**

**Phải trả khác**

Công ty CP Vận Tải giao nhận Bia Sài Gòn	-	195.251.930
Cty CP Tư vấn & chuyển giao công nghệ Thành Nam	340.000.000	340.000.000
Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô	195.251.930	-
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	190.230.000	
Công ty CP Bia Sài Gòn - Bình Tây	11.017.631	22.294.591
Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung.	1.605.060.343	98.317.872
Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	736.794.065	11.153.569

**3.078.353.969**

**667.017.962**

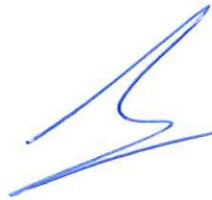


**27 CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Tổng công ty cần thiết phải được trình bày hay điều chỉnh trong các báo cáo tài chính hợp nhất này.



Hoàng Thanh Vân  
Người lập



Nguyễn Tiến Dũng  
Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Hạnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 11 năm 2014

